

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận
Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐSD-DS ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2024/QĐST-DS ngày 09/08/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S (S) - Trụ sở: 266-268 đường Nam Kỳ Khởi N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ Chi nhánh Đà Nẵng: 130A - 130 - 132 Bạch Đằng, phường Hải C 1, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N - Chuyên viên Xử lý nợ Ngân hàng S - Chi nhánh Đà Nẵng, theo Quyết định số 3524/2023/QĐ-PL ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng S và Giấy uỷ quyền số 126/2024/UQ-CNĐN ngày 15/5/2024 của Giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh Đà Nẵng. Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Phan Quang T - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: 166 Lê Đình L, phường Vĩnh T, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:***

Ngày 28/3/2023, ông Phan Quang T có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 100.000.000đ với mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,48%/tháng, lãi suất quá hạn 3,72%/tháng.

Ông T được cấp tín dụng quốc tế Cre Platinum Cashback 436438 - 5937 ngày 05/12/2023, ông T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 153.418.120đ, đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 61.989.372đ, trong đó gồm tiền gốc 44.747.392đ, lãi phát sinh 13.845.861đ, phí trễ hạn 1.428.536đ, phí vượt hạn mức 77.983đ, phí 1.889.600đ. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngày 06/12/2023, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc ông Phan Quang T phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 19/8/2024 là 143.329.748đ (một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng) gồm tiền gốc 108.670.728đ, lãi quá hạn là 34.659.020đ.

Đồng thời, tiếp tục tính lãi từ ngày 20/8/2024 cho đến khi ông T trả hết nợ thẻ theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

**** Tại Bản tự khai ngày 16/7/2024, quá trình tố tụng bị đơn ông Phan Quang T trình bày:***

Ngày 28/3/2023, ông Phan Quang T có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000đ với mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,48%/tháng, lãi suất quá hạn 3,72%/tháng.

Ông T được cấp tín dụng quốc tế Cre Platinum Cashback 436438 - 5937. Ngày 05/12/2023, ông đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là

153.418.120đ, đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 61.989.372đ, trong đó: Gốc 44.747.392đ, lãi phát sinh 13.845.861đ, phí trễ hạn 1.428.536đ, phí vượt hạn mức 77.983đ, phí 1.889.600đ.

Tính đến ngày 19/8/2024 là 143.329.748đ (Một trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng), trong đó, dư nợ là 108.670.728đ, lãi quá hạn là 34.659.020đ và lãi phát sinh.

Vì tình hình kinh doanh khó khăn, thu nhập không đủ chi phí nên ông chưa có tiền trả khoản nợ trên. Ông đề nghị Ngân hàng trả nợ trong thời hạn 12 tháng. Và với tình hình hiện nay, ông xin tạm dừng việc trả nợ trong 03 tháng và tháng tiếp theo sẽ trả nợ mỗi tháng 1 triệu đồng và trong thời gian đó nếu ông bán được các tài sản thì ông thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa lần thứ hai ông Phan Quang T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Phan Quang T, cư trú tại phường Vĩnh T, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phan Quang T nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Phan Quang T.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Phan Quang T có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/3/2023 và ông T bị ràng buộc bởi bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 100.000.000đ với mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,48%/tháng, lãi suất quá hạn 3,72%/tháng. Ông T được cấp tín dụng quốc tế Cre Platinum Cashback 436438 - 5937. Sau khi được cấp tín dụng ông Thắng đã thực hiện thực hiện

giao dịch với tổng số tiền là 153.418.120đ.

Như vậy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/3/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Phan Quang T thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 61.989.372đ, trong đó: Gốc 44.747.392đ, lãi phát sinh 13.845.861đ, phí trễ hạn 1.428.536đ, phí vượt hạn mức 77.983đ, phí 1.889.600đ (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 06/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông T đề nghị Ngân hàng TMCP S tạo điều kiện cho trả nợ trong thời hạn 12 tháng và với tình hình hiện nay, tôi xin tạm dừng việc trả nợ trong 03 tháng, tháng tiếp theo sẽ trả nợ mỗi tháng 1 triệu đồng nhưng đại diện Ngân hàng không đồng ý.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S; buộc ông Phan Quang T phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày tính đến ngày 19/8/2024 là 143.329.748đ (một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng) gồm tiền gốc 108.670.728đ, lãi quá hạn là 34.659.020đ.

Ông T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi từ ngày 20/8/2024 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là $143.329.748đ \times 5\% = 7.166.487đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP S đối với ông Phan Quang T.

Buộc ông Phan Quang T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 19/8/2024 là 143.329.748đ (một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng) gồm tiền gốc 108.670.728đ, lãi quá hạn là 34.659.020đ.

Ông T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi từ ngày 20/8/2024 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 7.166.487đ (Bảy triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.259.580 đ (Ba triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi đồng) cho Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu số theo biên lai thu số 0001169 ngày 29/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 19/8/2024.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba